TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/DS – ST
Ngày 18 - 4 - 2025
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Quốc Tân.
Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Công Bằng và bà Nguyễn Thị Hải.
Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Bích Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2024/TLST - DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 28/3/2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị H, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn 5, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1938; nơi cư trú: Thôn 5, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị L: Ông Phan Trọng H - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: Số 117 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Mai Xuân H, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn 5, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Bà Mai Thị H, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn 5, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa – nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày:

Ba mẹ của chị là ông Mai Đán, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1938, kết hôn và sinh được 03 người con gồm: anh Mai Xuân H, sinh năm 1964; chị Mai Thị H, sinh năm 1966; và chị là Mai Thị H, sinh năm 1972; ông bà không có

con nuôi, con riêng. Ông bà có tài sản chung là thửa đất số 02, tờ bản đồ số 17, diện tích 1264,7 m2; địa chỉ Thôn 5, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 242464 mang tên hộ ông Mai Đán và Nguyễn Thị L cấp ngày 17/5/2006. Ngoài ra trên đất hiện có một số cây lâu năm và 02 ngôi nhà cấp 4 do mẹ và chị xây dựng lên, chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Bố chị mất ngày 02/6/2006, khi chết không để lại di chúc. Nay chị đề nghị giải quyết chia di sản thừa kế của bố chị gồm ½ thửa đất trên cho mẹ chị và các anh chị em chị theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn là đúng sự thật, bà và ông Mai Đán là vợ chồng, ông Mai Đán chết không để lại di chúc. Tài sản chung của vợ chồng chỉ có thửa đất trên. Còn 02 ngôi nhà cấp 4 và cây cối trên đất là do bà và con gái Mai Thị H xây dựng lên. Nay con gái bà là Mai Thị H làm đơn khởi kiện chia di sản thừa kế bà có ý kiến: Đối với phần thừa kế của bà trong vụ án này bà xin nhượng cho lại toàn bộ cho con gái của bà là Mai Thị H vì hiện nay bà đang sinh sống cùng con Mai Thị H. Riêng ½ thửa đất là tài sản riêng của bà trong tài sản chung với ông Đán bà cũng xin nhượng lại cho con Mai Thị H, mà không cần điều kiện gì. Còn tài sản trên đất bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị H trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, nay em chị khởi kiện đề nghị giải quyết chia di sản thừa kế của bố chị gồm ½ thửa đất trên thì chị cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của em chị, chị đề nghị Tòa án chia thành 04 phần theo quy định của pháp luật. Riêng phần tài sản trên đất là của mẹ chị và em chị nên chị không có ý kiến gì.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Mai Xuân H:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cũng như nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Hoán đến Tòa án làm việc nhưng ông Hoán không đến. Tòa án đến nhà ông làm việc thì được ông cho biết: Thửa đất đang tranh chấp này là do bố mẹ ông tạo lập, nên việc mẹ ông và các em của ông sử dụng và làm gì ông không liên quan. Đối với tài sản trên đất là nhà ở và cây cối là của mẹ ông nên ông không yêu cầu xem xét giải quyết. Đối với phần thừa kế mà ông được hưởng từ bố ông thì ông không đồng ý tặng cho ai mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/01/2025:

Tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 17, diện tích 1264,7 m2 (diện tích thực tế sử dụng 1.203,8 m2); địa chỉ Thôn 5, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 242464 mang tên hộ ông Mai Đán và bà Nguyễn Thị L cấp ngày 17/5/2006, tài sản trên đất gồm có 02 ngôi nhà cấp 4, mái lợp ngói, trong đó 01 ngôi nhà do bà Nguyễn Thị L tạo lập, hiện hư hỏng nhiều và 01 ngôi nhà do chị Mai Thị H tạo lập cùng một số cây cối do bà Nguyễn Thị L và chị Mai Thị H đã trồng từ lâu, các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản trên đất, khi chia đất tài sản này thuộc về đất của ai thì chị Hương và bà Liên có trách nhiệm tháo dở, phá bỏ, di dời hoặc cho người đó sử dụng. Qua kết quả đo đạc diện tích thực tế ít hơn diện tích trong

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các đương sự đề nghị Tòa án chia theo diện tích thực tế. Mặt khác, thửa đất trên có mặt tiền giáp với đường liên thôn nên các đương sự đề nghị Tòa chia các phần có mặt tiền bằng nhau, còn diện tích có chênh lệch thì về phần ai người đó được sử dụng vì mặt sau của thửa đất có phần xẹo nên khi chia mặt tiền bằng nhau thì có diện tích chênh lệch nhau. Còn về vị trí đất được chia phía bà Liên, chị Hương, chị Hường đề nghị do trên thửa đất tranh chấp có 02 căn nhà cấp 4 do bà Liên, chị Hương tạo lập nên khi chia thì chia phần đất mà bà Liên, chị Hương đã cất nhà ở cho bà Liên, chị Hương.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị L trình bày: Nhất trí như trình bày, ý kiến của bà Nguyễn Thị L, đề nghị tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật, chia đất theo mặt tiền, vị trí như đề nghị của các đương sự và ghi nhận sự tự nguyện của bà Liên tặng cho phần tài sản của mình cho chị Hương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650; Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự. Điều 167; Điều 188 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị H;

- Chia cho bà Nguyễn Thị L được hưởng ½ thửa đất, có diện tích 571,7m^2, (trong đó có 200m^2 đất ở), có trị giá 15.034.000 đồng và bà Nguyễn Thị L được hưởng phần di sản mà ông Mai Đán để lại có diện tích 152,5m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở), có giá trị 3.950.000 đồng tại thửa đất trên.

- Chia cho chị Mai Thị H được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất là 156,3m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở) , có giá trị 4.026.000 đồng tại thửa đất trên;

- Chia cho chị Mai Thị H được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất là 159,8m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở), có giá trị 4.096.000 đồng tại thửa đất trên;

- Chia cho anh Mai Xuân H được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất là 163,5m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở) , có trị giá 4.170.000 đồng tại thửa đất trên;

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L tặng cho chị Mai Thị H được quyền quản lý, sử dụng ½ thửa đất, có diện tích 571,7m^2 và 152,5m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở) tại thửa đất trên;

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện nộp của chị Mai Thị H.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* giữa cá nhân với cá nhân. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế là bất động sản và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bố Trạch. Do vậy, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân H tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Hoán vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Mai Xuân H.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Ông Mai Đán (chết năm 2006). Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp thừa kế do người chết để lại vẫn còn thời hiệu.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ông Mai Đán và bà Nguyễn Thị L có tất cả 03 người con ruột gồm: anh Mai Xuân H, Mai Thị H, Mai Thị H, ông bà không có con riêng, con nuôi. Ông bà có tài sản chung là thửa đất số 02, tờ bản đồ số 17, diện tích 1264,7 m2 (diện tích đo đạc thực tế sử dụng là 1.203,8 m2); địa chỉ Thôn 5, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 242464 mang tên hộ Mai Đán và Nguyễn Thị L cấp ngày 17/5/2006. Ông Mai Đán mất ngày 02/6/2006, không để lại di chúc. Do đó, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Mai Đán tại thời điểm mở thừa kế là bà Nguyễn Thị L, anh Mai Xuân H, Mai Thị H, Mai Thị H. Di sản thừa kế của ông Mai Đán là ½ thửa đất trên, tài sản trên đất là của bà Liên và chị Hương tạo lập, hiện bà Liên, chị Hương đề nghị không giải quyết nên Tòa án không xem xét. Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

[3.2] Do ông Mai Đán chết không để lại di chúc nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự thì phần di sản của ông sẽ được chia theo pháp luật. Bà Liên, chị Hường, chị Hương yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đán ra làm 04 phần mỗi người được hưởng một phần bằng hiện vật là phù hợp theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự.

[3.3] Xét đề nghị chia đất theo mặt tiền đường liên thôn, vị trí của các đương sự là hợp lý nên chia đất cho bà Liên, chị Hương, chị Hường, ông Hoán diện tích đất thể hiện theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất ngày 03/01/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bố Trạch. Theo đó chia cho bà Nguyễn Thị L được hưởng ½ thửa đất trên có diện tích 571,7m^2, (trong đó có 200m^2 đất ở) trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 13 về 1, có trị giá (200m^2 đất ở x 38.000đ/m^2 + 371,7m^2 đất vườn x 20.000đ/m^2) = 15.034.000 đồng và bà Liên được hưởng phần di sản mà ông Đán để lại có diện tích 152,5m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở) trong phạm vi các mốc là 4, 5, 12, 13 về 4, có trị giá 3.950.000 đồng. Như vậy, phần đất của bà Liên có tổng diện tích là 724,2 (trong đó có 250m^2 đất ở) trong phạm vi mốc giới là 1, 2, 3, 4 ,5 ,12, 13 về

1, có tổng giá trị 18.984.000 đồng. Tuy nhiên, bà Liên tự nguyện tặng cho lại cho chị Mai Thị H được toàn quyền sử dụng phần đất này và chị Hương đã nhận. Chị Mai Thị H được chia phần diện tích đất là 156,3m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở) trong phạm vi các mốc 5, 6, 11, 12 về 5, có giá trị 4.026.000 đồng. Như vậy, tổng diện tích mà chị Mai Thị H được cho và được chia là 880,5m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở) trong phạm vi mốc giới là 1, 2, 3, 4 ,5 , 6, 11 12, 13 về 1, có tổng giá trị 23.010.000 đồng. Chị Mai Thị H được chia phần diện tích đất là 159,8m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở) trong phạm vi các mốc 6, 7, 10, 11 về 6, có giá trị 4.096.000 đồng. Phần diện tích đất còn lại là 163,5m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở) trong phạm vi các mốc 7, 8, 9, 10 về 7, có giá trị 4.170.000 đồng thì giao cho anh Mai Xuân H.

[3.4] Về tài sản và cây cối có trên đất các đương sự đều thừa nhận phần đất được chia có tài sản và cây cói trên đất thì bà Liên, chị Hương tự nguyện tháo dở, phá bỏ, di dời hoặc cho người đó được tiếp tục quản lý, sử dụng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án quy định mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được cho, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế. Như vậy, phần đất chị Hương được chia, được tặng cho có tổng diện tích 880,5m^2 (có 300m^2 đất ở x 38.000đ/m^2 + 580,5m^2 đất vườn x 20.000đ/m^2)= 23.010.000đ x 5% = 1.150.500 đồng, xét chị Hương thuộc hộ nghèo, cận nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn án phí cho chị Hương. Chị Hường được chia có diện tích 159,8m^2 (có 50m^2 đất ở x 38.000đ/m^2 + 109,8m^2 đất vườn x 20.000đ/m^2)= 4.096.000đ x 5% = 204.000 đồng, xét giá trị tài sản mà chị Hường được nhận dưới 6.000.000 đồng nên chị Hường phải chị án phí 300.000 đồng. Anh Hoán được chia có diện tích 163,5m^2 (có 50m^2 đất ở x 38.000đ/m^2 + 113,5m^2 đất vườn x 20.000đ/m^2)= 4.170.000đ x 5% = 208.500 đồng, xét giá trị tài sản mà anh Hoán được nhận dưới 6.000.000 đồng nên Hoán phải chị án phí 300.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[5] Về chi phí tố tụng: Số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản 4.500.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Thị H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền này mà không yêu cầu các đương sự khác hoàn lại. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố dụng dân sự, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650; Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 98, 167 và Điều 188 Luật đất đai năm 2013; các Điều 17, 26, 135 và Điều 260 Luật đất đai năm 2024;

Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Mai Đán đối với bà Nguyễn Thị L.

- Chia cho bà Nguyễn Thị L được hưởng ½ thửa đất, có diện tích 571,7m^2, (trong đó có 200m^2 đất ở) trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 13 về 1, có trị giá 15.034.000 đồng và bà Nguyễn Thị L được hưởng phần di sản mà ông Mai Đán để lại có diện tích 152,5m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở) trong phạm vi các mốc là 4, 5, 12, 13 về 4, có giá trị 3.950.000 đồng. Như vậy, phần đất của bà Liên có tổng diện tích là 724,2 (trong đó có 250m^2 đất ở) trong phạm vi mốc giới là 1, 2, 3, 4 ,5 ,12, 13 về 1, có tổng giá trị 18.984.000 đồng tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế sử dụng là 1203,8 m2; địa chỉ Thôn 5, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 242464 mang tên hộ Mai Đán và Nguyễn Thị L cấp ngày 17/5/2006).

- Chia cho chị Mai Thị H được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất là 156,3m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở) trong phạm vi các mốc 5, 6, 11, 12 về 5, có giá trị 4.026.000 đồng tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế sử dụng là 1203,8 m2; địa chỉ Thôn 5, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Chia cho chị Mai Thị H được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất là 159,8m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở) trong phạm vi các mốc 6, 7, 10, 11 về 6, có giá trị 4.096.000 đồng tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế sử dụng là 1203,8 m2; địa chỉ Thôn 5, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Chia cho anh Mai Xuân H được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất là 163,5m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở) trong phạm vi các mốc 7, 8, 9, 10 về 7, có trị giá 4.170.000 đồng tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế sử dụng là 1203,8 m2; địa chỉ Thôn 5, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L tặng cho chị Mai Thị H được quyền quản lý, sử dụng ½ thửa đất, có diện tích 571,7m^2, (trong đó có 200m^2 đất ở) trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 13 về 1, có trị giá 15.034.000 đồng và 152,5m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở) trong phạm vi các mốc là 4, 5, 12, 13 về 4, có giá trị 3.950.000 đồng tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế sử dụng là 1203,8 m2; địa chỉ Thôn 5, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Việc chia đất *có sơ đồ kèm theo*. Đối với tài sản và cây cối nằm trên đất được chia và được tặng cho chị Mai Thị H thì chị Mai Thị H được quyền sử dụng. Riêng số cây cối nằm trên phần đất của chị Hường và ông Hoán thì chị Hương và bà Liên có quyền và nghĩa vụ phá bỏ, di dời hoặc cho chị Hường, anh Hoán sử dụng.

3. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Số tiền xem xét, thẩm định và định giá là 4.500.000 đồng chị Mai Thị H tự nguyện nộp. Số tiền này chị Mai Thị H đã nộp và chi xong.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chi Mai Thị H; buộc chị Mai Thị H và anh Mai Xuân H mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quốc Tân